

**QUYẾT ĐỊNH
TUYÊN BỐ PHÁ SẢN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 22, Điều 23, khoản 3 Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 108, Điều 109, khoản 2 Điều 110, Điều 111 và khoản 3 Điều 130 của Luật Phá sản;

Căn cứ vào Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ giải quyết việc phá sản thụ lý số 02/2020/TLST-PS ngày 05/6/2020 đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty TNHH B); địa chỉ: đường P, Tổ 89, khu phố 9, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Quyết định mở thủ tục phá sản số 02/2020/QĐ-MTTTPS ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1971; địa chỉ: đường Đ, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Quyết định chỉ định Quản tài viên số 02/2020/QĐ-CDQTV ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc chỉ định ông Mai Thanh Bình, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 99/34, đường 30/4, Tổ 7, khu phố 6, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số 525/TP/QTV-CCHN do Bộ Tư pháp cấp ngày 27/01/2016 là Quản tài viên làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản đối với Công ty TNHH B;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thủ tục phá sản của Quản tài viên về việc hiện nay Công ty TNHH B đã mất khả năng thanh toán và ngừng hoạt động một thời gian dài;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;

Xét thấy, tại buổi làm việc ngày 23 tháng 9 năm 2022 có số chủ nợ tham gia không đủ điều kiện theo Điều 79 của Luật Phá sản nên căn cứ vào khoản 3 Điều 80 của Luật Phá sản, các chủ nợ đề nghị Tòa án tuyên bố phá sản đối với Công ty TNHH B

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tuyên bố phá sản đối với Công ty TNHH B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thùy T – chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Mã số doanh nghiệp: 3701305975; đăng ký lần đầu ngày 25/12/2008 (cấp đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần 6 ngày 19/10/2016).

Địa chỉ trụ sở: đường P, Tổ 89, khu phố 9, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Điều 2:

- Chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH B theo nội dung được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 108 của Luật Phá sản;

- Đình chỉ giao dịch liên quan đến Công ty TNHH B;

- Chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với Công ty TNHH B kể từ ngày 23/9/2022;

- Chấm dứt các hợp đồng lao động (đối với hợp đồng còn hiệu lực) giữa người lao động với Công ty TNHH B.

Điều 3: Chấm dứt quyền hạn của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B là bà Lê Thị Thùy T – chức vụ: Chủ tịch Công ty. Thu hồi con dấu, xóa tên doanh nghiệp của Công ty TNHH B theo quy định của Luật Phá sản, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4:

4.1. Tài sản doanh nghiệp, bao gồm:

- Tài sản do Quản tài viên đã kiểm kê (có danh sách tài sản kèm theo do Quản tài viên lập), giá trị được xác định sau khi phát mãi.

- Giao Quản tài viên đại diện Công ty TNHH B thực hiện các thủ tục đòi nợ đối với người mắc nợ và tranh chấp các tài sản khác của doanh nghiệp bị phá sản (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 114 và Điều 127 của Luật Phá sản.

4.2. Nghĩa vụ về tài chính của Công ty TNHH B: Số tiền nợ Công ty TNHH B phải thanh toán cho các chủ nợ là 79.713.203.414đ (bảy mươi chín tỷ bảy trăm mười ba triệu hai trăm không ba nghìn bốn trăm mười bốn đồng), trong đó:

- Số tiền nợ có bảo đảm là 72.915.783.389đ (bảy mươi hai tỷ chín trăm mười lăm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm tám mươi chín đồng), bao gồm:

+ Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Sài Gòn (NCB): 72.423.256.375đ (bảy mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng);

+ Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương: 492.527.014đ (Bốn trăm chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn không trăm mười bốn đồng).

- Số tiền nợ không có bảo đảm là 6.797.420.025đ (sáu tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), bao gồm:

+ Bảo hiểm xã hội M: 222.995.974đ (hai trăm hai mươi triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng);

+ Chi Cục thuế thành phố M: 3.406.172.077đ (ba tỷ bốn trăm không sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng);

+ Ngân hàng TMCP P: 3.168.251.974đ (ba tỷ một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi một nghìn chín trăm bảy mươi bảy bốn đồng).

Không tiếp tục tính lãi đối với các khoản nợ trên kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản.

Điều 5: Phương án phân chia giá trị tài sản trước và sau khi tuyên bố phá sản của Công ty TNHH B theo thứ tự phân chia tài sản quy định tại Điều 54 của Luật Phá sản như sau:

5.1. Phương án phân chia giá trị tài sản trước khi tuyên bố phá sản.

- Chi phí phá sản: Số tiền tạm ứng chi phí phá sản mà Công ty TNHH B đã nộp 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản số 0281000394871 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Bình Dương, đã được chi cho các khoản sau:

+ Chi đăng báo mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố phá sản là 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng);

+ Chi phí kiểm kê tài sản cho 02 (hai) hợp đồng thời vụ là 6.000.000đ (sáu triệu đồng);

+ Chi phí thẩm định giá tài sản là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

Tổng cộng chi phí là: 29.600.000đ (hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí phá sản do Công ty TNHH B nộp. Công ty TNHH B còn phải nộp số tiền chi phí phá sản 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Chi phí Quản tài viên: Thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24 của Luật Phá sản; khoản 4, khoản 7 Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

5.2. Phương án phân chia giá trị tài sản sau khi tuyên bố phá sản.

5.2.1. Nợ có bảo đảm tại: Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP C.

Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Được thanh toán bằng tài sản bảo đảm theo các hợp đồng đã ký kết.

b) Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ.

5.2.2. Thứ tự phân chia tài sản sau khi đã trừ chi phí phá sản, chi phí Quản tài viên, thanh toán nợ bảo đảm được thực hiện như sau:

- Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ (*theo danh sách chủ nợ kèm theo*).

- Trường hợp giá trị tài sản của Công ty TNHH B sau khi đã thanh toán đủ theo quy định tại các điểm 5.1 và 5.2 của Điều này mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về Chủ sở hữu Công ty TNHH B.

- Nếu giá trị tài sản của Công ty TNHH B không đủ để thanh toán theo quy định tại các điểm 5.1. và 5.2. Điều này thì cùng một đối tượng ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Điều 6: Cấm bà Lê Thị Thùy T, sinh ngày: 08/12/1971, số CMND: 280467560 ngày 07/02/2002 do M Dấu Một, tỉnh Bình Dương thành lập doanh nghiệp, làm người quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày 23/9/2022.

Điều 7: Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Điều 8: Lệ phí phá sản: Công ty TNHH B phải nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí phá sản đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041889 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Điều 9: Nghĩa vụ về tài sản phát sinh sau khi có Quyết định tuyên bố doanh nghiệp này được giải quyết theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 10: Quản tài viên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc được thông báo hợp lệ, Công ty TNHH B, bà Lê Thị Thùy T, các chủ nợ, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, Chi cục thuế thành phố Thủ Dầu Một, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương có quyền đề nghị xem xét lại; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một có quyền kháng nghị quyết định này./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi Cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương;
- Chi cục thuế Tp. Thủ Dầu Một;
- Công ty TNHH MTV Thành Bích;
- Các chủ nợ;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Đăng báo Bình Dương (để đăng tin);

Trần Huỳnh Minh Trí

- Cổng thông tin điện tử TAND (để đăng tin);
- Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (để đăng tin);
- Lưu: Hồ sơ phá sản, VP.